

ĐỌC THÊM^(*)

VẬN NƯỚC

(Quốc tộ – PHÁP THUẬN)

*

CÁO BỆNH, BẢO MỌI NGƯỜI

(Cáo tật thị chúng – MÃN GIÁC)

*

HÙNG TRỞ VỀ

(Quy hứng – NGUYỄN TRUNG NGẠN)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu chủ đề các bài thơ.
- Nhận biết những hình ảnh biểu tượng trong mỗi bài thơ.
- Thấy được nét khác biệt về thể thơ giữa các bài.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Bài 1. Vận nước

– Bài thơ vốn không có tên. Tên *Vận nước* (Quốc tộ) do các học giả thời nay trích từ lời trong sách *Thiên uyển tập anh* : "Đế thường vấn sư dĩ quốc tộ đoán trường. Sư vân : Quốc tộ như đằng lạc..." (nghĩa là : Vua (Lê Hoàn) thường hỏi sư (Pháp Thuận) vận nước ngắn dài thế nào ? Sư nói : Vận nước như dây mây kết nối...).

– Một số từ ngữ trong bài hiện nay có những cách dịch hoặc hiểu ít nhiều khác nhau :

(*) Bài này GV hướng dẫn HS học trong 1 tiết (Đọc thêm có hướng dẫn).

+ *Quốc tộ*

Có người dịch là "ngôi nước"⁽¹⁾. Sở dĩ dịch như vậy vì *tộ* có một nghĩa là "vị", dịch ra tiếng Việt là "ngôi", như "đế tộ" dịch là "ngôi vua". Có người dịch là "phúc nước"⁽²⁾. *Tộ* còn có một nghĩa nữa là "phúc" (lành, may). Trong một tài liệu khác, *Quốc tộ* được dịch là "Vận nước"⁽³⁾. SGK cũng dịch *Quốc tộ* là "Vận nước", nhưng không quan niệm "vận" ở đây là "vận mệnh" hay "cảnh ngộ", vì không hợp với lời hỏi – đáp của vua Lê Hoàn và sư Pháp Thuận. "Vận" trong bài thơ này được dùng với nghĩa là "cơ may", tức cơ hội thuận lợi cho hoạt động có kết quả hoặc thành công, như "vận" ở câu "Vận khứ anh hùng ẩm hận đa" (Lúc hết vận (cơ may), bậc anh hùng cũng phải nuốt hận nhiều) trong bài *Nỗi lòng* (Cảm hoài) của Đặng Dung. Hoặc ở câu "Vận di Hán tộ chung nan phục" (Cơ may chuyển dời rút cuộc khó khôi phục ngôi nhà Hán) trong bài *Nhớ dấu vết xưa* (Vịnh hoài cổ tích) của Đỗ Phủ khi nói về Gia Cát Lượng. Dùng từ "cơ may" là có hàm ý về *độ lâu*.

+ *Đằng lạc*

Đằng : cây mây, loại thực vật thân dây ; *lạc* : đan bện, kết nối. *Đằng lạc* có thể dịch là "dây mây kết nối", hình ảnh biểu tượng cho sự bền chắc. Như vậy, về điều vua Lê Hoàn hỏi, sư Pháp Thuận khẳng định : Vận nước là bền chắc.

+ *Lí thái bình*

Chữ *lí* ở bài này có bộ "y", theo từ điển thông với chữ *lí* có bộ "vương", có nghĩa "liệu lí" tức là lo liệu, mở mang. *Thái bình* có hai nghĩa : 1 - Nền an ninh, 2 - Nền thịnh trị. *Lí thái bình* ở đây có nghĩa mở nền thịnh trị.

+ *Vô vi* là "không làm", không làm điều trái lẽ tự nhiên. Về chính trị, "vô vi" là nên khoan dung, giản dị, không bày đặt ra những chính lệnh hà khắc, những khuôn mẫu đạo đức cứng nhắc bó buộc con người. Làm theo "vô vi" (*vi vô vi*) là làm những điều thuận lẽ tự nhiên để dân được an lạc.

(1) Xem : bản dịch của Đoàn Thặng, trong sách *Văn học Lí - Trần*, tập I, NXB Khoa học xã hội, H., 1977.

(2) Xem : bản dịch của Đinh Gia Khánh, trong sách *Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII*, tập I, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H., 1978.

(3) Xem : bản dịch của Lê Mạnh Thát, trong sách *Nghiên cứu về "Thiên uyển tập anh"*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999 ; bản dịch của Bùi Duy Tân, trong sách *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (thế kỉ X - XIX)*, tập I, NXB Giáo dục, 2004.

– Bài thơ làm theo thể ngũ ngôn tuyệt cú Đường luật. Với thể thơ cực ngắn, nội dung chính luận của bài được diễn đạt cô đúc bằng những hình ảnh biểu tượng.

Bài 2. Cáo bệnh, bảo mọi người

– Tên bài *Cáo tật thị chúng* là do người đời sau đặt, lấy từ lời chép trong sách *Thiên uyển tập anh* : "Hội Phong ngũ niên thập nhất nguyệt hối cáo tật thị chúng, kê vân : *Xuân khứ bách hoa lạc,...*", nghĩa là : "Ngày 30 tháng 11 năm Hội Phong thứ 5 (1096) sư cáo bệnh, bảo mọi người, kê rằng : *Xuân qua trăm hoa rụng,...*".

Cáo là "xin từ chức quan", *tật* là "bệnh". *Cáo tật* là xin từ chức quan do lâm bệnh. Quan lại nhân có bệnh xin từ chức gọi là "cáo bệnh". Đại sư Mãn Giác cáo bệnh khi ông đang giữ chức Nhập nội đạo tràng do nhà vua phong. Như vậy *Cáo tật thị chúng* phải dịch là "Cáo bệnh, bảo mọi người".

– Bài thơ gồm sáu câu. Bốn câu đầu làm theo ngũ ngôn cổ thể ; hai câu cuối làm theo thất ngôn Đường luật. Câu 1 - 2 diễn tả quy luật trong thiên nhiên, khác với quy luật của đời người được thể hiện ở hai câu 3 - 4. Câu kết đưa ra một luận thuyết khẳng định ý nói ở câu 5. Kết cấu bài chặt chẽ thông qua những tương quan đối lập.

– Trong bài, *xuân* và *hoa* lặp lại ba lần. *Xuân qua – trăm hoa rụng, xuân đến – trăm hoa nở. Trăm* ở đây chỉ con số của vô tận. Xuân đến trăm hoa nở, nhưng đến cuối xuân thì duy chỉ có một loại *hoa* vẫn tiếp tục nở. Đó là hoa mai. Mai nở vào cuối đông giáp xuân. Đó là loại hoa nở sớm nhất trong năm, gọi là "mai sớm" (*tảo mai*). Sách xưa chép : Nhà sư Tê Kỉ thời Đường (Trung Quốc) một hôm đem bài *Tảo mai* đến yết kiến Trịnh Cốc, trong bài có câu :

Tiền thôn thâm tuyết lí

Tạc dạ sổ chi khai.

(Thôn trước trong tuyết thăm

Đêm qua nở vài cành)

Trịnh Cốc nói : "Vài cành" thì đâu phải là sớm, chẳng bằng "một cành" ("Sổ chi" phi tảo dã, vị nhược "nhất chi").

Mai trong bài thơ của Mãn Giác là "mai muộn" (*vãn mai*). Khác với "trăm hoa" đến cuối xuân giáp hè rụng hết, chỉ riêng mai vẫn tiếp tục nở hoa. (Dĩ nhiên sang hè thì mai cũng ngừng nở). Như vậy dù là "mai sớm" hay "mai muộn", mai vẫn là loại hoa luôn chống chọi với thời tiết không thuận cho sự nở hoa. Đó là chỗ khác với "trăm hoa". Trong thơ cổ, mai được dùng làm hình ảnh biểu tượng cho

tinh thần "kiên trinh không đổi", "không hòa theo thói đời" (*kiên trinh bất di, bất tỳ lưu tục*).

Theo *Thiền uyển tập anh* thì *Cáo bệnh, bảo mọi người* là bài kệ. Đã là kệ thì chắc hẳn phải nhằm truyền giáo lí đạo Phật. Nhưng giáo lí đạo Phật ở đây là thế nào, ý kiến của một số học giả lại có những chỗ không nhất trí. Xin giới thiệu mấy ý kiến :

+ "Tóm tắt trong sáu câu trên, có đủ ý vũ trụ tuần hoàn, trái với đời người ngắn ngủi, ý người ta không nên lấy sự ấy làm phàn nàn, vì tuy mất rồi, nhưng vẫn còn tinh hoa để lại cùng vũ trụ"⁽¹⁾.

+ "Hai câu dưới ngụ ý rằng bậc tu hành giác ngộ lẽ đạo thì có thể vượt khỏi cái vòng luân hồi của pháp tướng, của thế giới hữu tình, khác nào như nhành mai kì diệu kia vẫn cứ nở trong khi muôn hoa đã rụng hết vào buổi xuân tàn. Nhà sư chết đi, nhưng do sự giác ngộ lẽ đạo mà chân thân của nhà sư đã vượt ra khỏi sinh tử, nở hoa vĩnh cửu, bất chấp mọi sự biến động của pháp tướng. Đó có lẽ là chủ ý của thiền sư Mãn Giác khi làm bài kệ này. Nhưng dấu cho về mặt chủ quan, thiền sư có muốn phát biểu một quan niệm triết lí của Thiền tông đi nữa thì về mặt khách quan, lời thơ đến với độc giả như là biểu hiện của sự nhạy cảm đối với sức sống dồi dào luôn luôn khắc phục hoàn cảnh để mà vươn lên..."⁽²⁾.

+ "Cành mai ấy phải chăng là hiện tượng của bản thể chân như bất sinh bất diệt của vạn pháp"⁽³⁾.

Đối với học sinh phổ thông chắc là không dễ lĩnh hội được những ý kiến khác nhau về Phật lí trong bài thơ của Mãn Giác. Trong thời lượng dành cho việc học bài này, GV có thể chọn lọc những ý thấy là xác đáng và giới thiệu với HS bằng ngôn ngữ thông thường.

Bài 3. Hứng trở về

– Cuối năm 1314, Nguyễn Trung Ngạn và Phạm Mai được lệnh đi Yên Kinh "đáp lễ" sứ nhà Nguyên vừa sang tuyên đọc quốc thư trong dịp vua Trần Minh Tông lên ngôi, nhưng chính là để giải quyết chuyện vua Nguyên nghe theo lời tâu của bọn quan lại gửi thông điệp trách cứ quan quân nước ta nhiều lần sang

(1) Hoàng Xuân Hãn, *Lí Thường Kiệt*, NXB Sông Nhị, H., 1949.

(2) Đinh Gia Khánh, *Văn học Việt Nam thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII*, Sdd.

(3) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, NXB Văn học, H., 1994.

đánh phá một số vùng đất do họ cai trị. Trong bài thơ làm ở trạm Khâu Ôn (Lạng Sơn) tác giả đã nói rõ trọng trách được trao :

"Kéo hết nước sông Thiên Hà rửa sạch áo giáp và binh khí,
Ở miếu đường nhà vua không hề muốn xảy ra chinh chiến tại biên giới,
Sông núi đã có giới hạn phân chia giữa Nam và Bắc,
Hồ Việt cùng một phong hoá đều là anh em.
...
Ôn vua chưa mảy may báo đền được,
Tấm thân mọn há dám từ nan chuyển đi sứ xa muôn dặm".

Chuyến đi kéo dài hơn một năm rưỡi, từ mùa xuân năm 1315 đến mùa thu năm 1316, Nguyễn Trung Ngạn phải lưu lại ở Yên Kinh khá lâu. Ở đây ông làm bài *Tư quy* (Nghĩ đến chuyện về) tỏ ý sốt ruột mãi chưa về được. Khi đã ở trên đường về rồi, ông vẫn làm thơ tưởng nhớ làng quê, từng ngày từng giờ nôn nao muốn được về nhà ngay tức khắc. Bài *Húng trở về* là một trong số những bài thơ đó.

– Thơ Nguyễn Trung Ngạn làm khi đi sứ đều viết theo thể Đường luật. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú nhận xét : "Những bài làm trong khi đi sứ, bài nào lời thơ cũng mạnh mẽ, phóng khoáng khác thường (...). Thơ tứ tuyệt lại càng hay không kém gì thời Thịnh Đường". Trong loạt bài ở nơi xa tưởng nhớ đến quê nhà, bài *Húng trở về* có đôi nét riêng biệt :

+ Thơ nói đến thời vụ sản xuất của nhà nông (*tầm vừa chín, lúa sớm*), hương vị nơi ruộng đồng (*bông thơm, cua đang lúc béo*).

+ Bài tuyệt luật chỉ có 28 tiếng nhưng đã có 6 tiếng là hư từ : *phương* (vừa), *chính* (đang), *diệc* (vẫn), *tuy* (tuy), *bất* (chẳng) và hai tiếng thuộc khẩu ngữ : *kiến thuyết* (nghe nói). Do vậy, lời thơ càng thêm mạnh mẽ, phóng khoáng.

III – GỢI Ý ĐỌC THÊM

Bài 1. Vận nước

Câu hỏi 1

GV nêu câu hỏi trong SGK nhằm kiểm tra HS đọc *Tiểu dẫn*. Có thể lưu ý HS : Vua Lê Hoàn xuất thân từ một võ tướng. Tuy không có chứng cứ gì tỏ rằng vua mộ Phật, nhưng trong việc giữ nước và dựng nước, vua thấy rất cần phải dựa vào các nhà sư là những người có học thức cao rộng và có uy tín với nhân dân.

Bấy giờ bên cạnh võ tướng tuy còn có nhà nho, nhưng những người này theo thuyết "trung quân" nên có thể không tận tụy với ông vua giành ngôi từ triều đại trước mà họ đã tôn thờ.

Câu hỏi 2

"Mây quần" là hình ảnh biểu tượng sự bền chắc. Với hình ảnh này, sư Pháp Thuận muốn củng cố lòng tin tưởng của nhà vua về tiền đồ của dân tộc.

Câu hỏi 3

Sau chiến công lừng lẫy năm 981 - 982 đánh tan giặc ngoài, với chính sách ngoại giao mềm dẻo nhưng kiên quyết, bờ cõi Bắc - Nam được định yên. Nhưng một số hào trưởng ở địa phương vẫn nổi dậy mưu toan cát cứ. Vua Lê Hoàn nhiều lần đã phải thân chinh đi trừ dẹp. Tuy nhiên, ngoài biện pháp trấn áp, sư Pháp Thuận thấy về căn bản đối với nhân dân, nhà vua nên dùng đường lối "vô vi", chính sự cốt khoan dung, giản dị, chăm lo đời sống của dân. Dân được no ấm, an lạc sẽ không đi theo những phần tử nổi dậy cát cứ, mà thuận lòng ủng hộ nhà nước quân chủ tập quyền.

Bài 2. Cáo bệnh, bảo mọi người

Câu hỏi 1

Hai câu 1 - 2 diễn tả quy luật tuần hoàn trong thiên nhiên. Nói "hoa rụng" trước rồi sau mới nói "hoa nở", điều ấy không có nghĩa là do tác giả muốn thể hiện tinh thần lạc quan mà chính là nhằm nói đến mối tương quan đối lập giữa quy luật trong thiên nhiên và quy luật của đời người sẽ được diễn tả ở hai câu 3 - 4.

Câu hỏi 2

Đời sống của con người biến đổi theo chiều hướng không quay ngược trở lại. Song tự nhiên, xuân qua rồi xuân lại tới. Đời sống của con người khác hẳn : thời gian cứ lần lữa trôi qua, con người sống nhiều cứ phải trải hết sự việc này lại tiếp đến sự việc khác, cái già, thậm chí cái chết sẽ ập đến. Đó là quy luật, mà đã xem là quy luật thì chỉ có thể và nên an nhiên đón nhận. Đây phải chăng là một lời khuyên ? Tuy nhiên, lời khuyên ở hai câu 5 - 6 mới chính là chủ ý của tác giả.

Câu hỏi 3

Đành rằng xuân tàn, mai vẫn còn nở hoa. Tuy nhiên, xuân qua thì mai tất cũng ngừng nở. Qua hiện tượng cuối xuân vẫn thấy "một cành mai", tư tưởng mà tác giả muốn truyền đạt phải chăng là : trong thời hạn một đời người, vấn đề không phải là liệu chúng ta có tránh được cái chết hay không, mà là khi sống thì

nên sống thế nào, chỉ biết thích nghi với hoàn cảnh hay là phải gắng vươn lên để chế ngự hoàn cảnh ?

Bài 3. *Hứng trở về*

Câu hỏi 1

Các chi tiết "dâu già lá rụng", "tằm vừa chín", "lúa sớm bông thơm" và "cua đang lúc béo" đều là nói về thời vụ sản xuất của nhà nông, trồng lúa cấy tằm và hương vị nơi đồng quê khoảng đầu thu. Tỉnh Hưng Yên "nhiều ruộng cấy lúa chiêm, ít ruộng cấy lúa mùa, nhà nông chăm cày" (*Đại Nam nhất thống chí*) nên cấy thêm lúa ngắn ngày gọi là "lúa sớm". Lúa sớm được gieo cấy vào đầu vụ mùa khoảng tháng 5, tháng 10 thì thu hoạch. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, đến "tháng 7, tháng 8 bắt đầu có gió mát là tiết lúa mùa xanh tốt (tục ngữ có câu : "Tháng tám gió mát, lúa mùa ngát đồng". Lúa ngắn ngày cấy trước lúa mùa nên tháng 7 "lúa sớm" đã có "bông thơm"). Qua những chi tiết trên có thể thấy Nguyễn Trung Ngạn đỗ đạt cao, làm quan to nhưng vẫn luôn thiết tha với chuyện làm ăn của nhà nông và rất thú cái hương vị chỉ nơi đồng quê mới có. Vì vậy mà con người ở nơi xa nhà hàng vạn, hàng nghìn dặm vẫn nóng lòng muốn trở về quê ngay.

Câu hỏi 2

Câu 3 "Nghe nói ở nhà nghèo vẫn tốt" : "Ở nhà" tức là ở quê hương mình. "Vẫn tốt" dịch từ chữ "diệc hảo", nghĩa là "vẫn thích", "vẫn thú", "vẫn sướng", khẳng định một chân lí : không đâu bằng quê hương mình. Như vậy, mấy chữ trên có nghĩa : ở nhà dẫu nghèo nhưng vẫn tốt hơn ở nước người, tuy đất Giang Nam (Trung Quốc) giàu có hơn. Nguyễn Trung Ngạn rất tận tụy với trách nhiệm được giao, nhưng con người công vụ ít thể hiện trong thơ. Cả chuyện đi sứ ông chỉ một lần nói rõ vai trò sứ giả trong bài thơ làm ở trạm Khâu Ôn (đã dẫn ở trên). Và lại, bài *Hứng trở về* lại được làm trên đường về, tức là công vụ đã xong, nên có thể suy nghĩ thoải mái. Tuy nhiên, tác giả đã ý tứ đặt hai chữ "nghe nói" ở đầu câu để biểu thị ý khẳng định là do nghe thấy người ta nói.

Câu 4 "Đất Giang Nam tuy vui chẳng bằng về nhà" vẫn là một sự so sánh, đánh giá, nhưng là so sánh niềm vui được du ngoạn ở nơi phồn hoa đô hội với cái thú được về nhà. Trong năm chục bài thơ đi sứ, ông hay nói mình là *du nhân* (khách đi chơi), *du tử* (khách ngao du), nhưng ở bài này, niềm vui du ngoạn chẳng thể nào so được với cái thú trở về nhà. Chữ *bất như* dịch là "chẳng bằng" diễn đạt ý phủ định dứt khoát hơn "không bằng".